

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT NĂM 2025

I. Thông tin chung

Tên trường: Đại học Phan Thiết

Tên viết tắt: UPT

Tên tiếng Anh: University of Phan Thiet

Mã trường: DPT

Địa chỉ: 225 Nguyễn Thông, Phú Hải, Phan Thiết, Bình Thuận

Website: upt.edu.vn hoặc ts.upt.edu.vn

Fanpage: <https://www.facebook.com/upt.edu.vn>

II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo được tính bằng tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển.

Đối với ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh phải có tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào dành cho khối ngành sức khỏe do Bộ GDĐT quy định.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (học bạ).

Tất cả các ngành: Tổng điểm trung bình 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên

Riêng ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học: Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 19 điểm trở lên đồng thời có kết quả học tập cả năm lớp 12 đánh giá mức khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Phương thức 3: Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

3. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2025, trường Đại học Phan Thiết tuyển sinh 15 ngành hệ Đại học chính quy, bao gồm: Công nghệ Thông tin, Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Quản

trị Khách sạn, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Luật kinh tế, Ngôn ngữ Anh, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống, Kỹ thuật Xây dựng, Luật, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật xét nghiệm y học, và Kỹ thuật Cơ khí.

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tổ hợp môn thi/Xét tuyển
1	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
2	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
3	7810201	Quản trị khách sạn	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
4	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
5	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn C04: Toán, Ngữ văn, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
6	7380101	Luật	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
7	7380107	Luật kinh tế	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

			X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh D90: Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh X25: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
9	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lí C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
10	7340101	Quản trị kinh doanh	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
11	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
12	7340301	Kế toán	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
13	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lí C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
14	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A04: Toán, Vật lý, Địa lí C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00: Toán, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

4. Thông tin khác

Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển

+ Đợt 1: Ngày 30/6/2025

+ Đợt 2: Ngày 30/9/2025

+ Đợt 3: Ngày 30/12/2025